

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 19/02//2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị T
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn C và Ông Trần Anh V
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lâu Văn C , Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*
Ông Phạm Viết T - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vi Văn T ; Sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 5/12.

Bố: Vi Văn T ; Sinh năm: 1954; Mẹ: Vi Thị H ; Sinh năm: 1954; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Nơi cư trú: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Tiền án, tiền sự: Không.

2. Họ và tên: Hà Quốc K ; Sinh ngày 02/04/2001. Nơi cư trú: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 7/12.

Bố: Hà Văn C ; Đã chết; Mẹ: Lương Thị T ; Sinh năm: 1982. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Nơi cư trú: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị tạm giữ ngày 04/11/2019 chuyển tạm giam ngày 07/11/2019 tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa đến nay, đều có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Lâu Văn L , sinh năm 1985;
Trú tại: Bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, Thanh Hóa, **có mặt.**

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, **có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 02/11/2019, Vi Văn T và Hà Quốc K rủ nhau đến nhà anh Đào Khắc S, sinh năm 1980 là người cùng bản để xem đánh bi-a. Trong quá trình xem đánh bi-a, Tuấn thấy anh Lâu Văn L, sinh năm 1989 trú ở bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát đi từ trong nhà anh S ra ngoài hiên mở cốp xe máy BKS: 36K1-075.25 lấy tiền rồi quay vào đánh bi-a tiếp nên T nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong cốp xe, nhưng không thực hiện luôn. T và K tiếp tục chơi ở đó một lúc rồi k cùng đi về nhà của T, đến 17 giờ cùng ngày, T nói cho K biết trong cốp xe anh L có nhiều tiền và rủ K quay lại đó trộm cắp tiền thì K đồng ý. Khi đến nơi, K lén lút đẩy xe máy vào góc khuất sau cửa xếp nhà anh S rồi lấy tay nới hờ một bên yên xe theo chiều từ dưới lên trên để T luồn tay vào lấy tiền. T lấy được 45 (bốn lăm) tờ tiền polyme mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành rồi cho vào túi áo khoác T đang mặc, sau khi lấy được tiền T không nói cho K biết số tiền lấy được là bao nhiêu và không chia cho K mà đi bộ ra đường Quốc lộ 15C về hướng xã Nhi Sơn được khoảng 50m thì giấu tiền vào bụi cây ven đường. T quay lại tìm Khánh thì K đã bỏ về nhà. Lúc này Tuấn gặp Đinh Công C, sinh năm 1992 người ở bản Na Tao, Pù Nhi, Mường Lát, Tuấn rủ Chiến Xuống bản Cật, Nhi Sơn, Mường Lát mua ma túy sử dụng thì chiến đồng ý rồi lấy xe máy chở Tuấn đi. Khi gần đến chỗ cất giấu tiền trước đó, Tuấn bảo Tuấn dừng xe máy đi đổ xăng, còn Tuấn đến chỗ giấu tiền lấy tiền. Một lúc sau Chiến quay lại chở Tuấn theo đường Quốc lộ 15c đến nhà Hơ Thị T, sinh năm 1986 ở bản Cật, Nhi Sơn để nhờ T mua giúp ma túy sử dụng.

Số tiền do trộm cắp được mà có T đưa cho Hơ Thị T, một lần vào chiều tối ngày 02/11/2019 với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để T đi mua ma túy về sử dụng. Đưa cho Đinh Công C, sinh năm 1992 ở cùng bản và là bạn nghiện 3 lần với tổng số tiền 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) để mua ma túy sử dụng và giữ hộ (đưa hai lần với số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) để mua ma túy và một lần với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) để cất giữ), C có hỏi tiền lấy ở đâu thì Tuấn bảo không cần biết. Đưa cho mẹ là Hà Thị H 1.000.000đ (một triệu đồng) để mẹ tiêu xài. Vào sáng ngày 03/11/2019, bà H có hỏi số tiền do đâu mà có nhưng T không nói. Số tiền còn lại Tuấn rủ K và C đi ăn uống và tiêu xài cho bản thân. Ngày 04/11/2019, anh Lâu Văn L làm đơn trình bày đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát về việc anh bị mất trộm. Cùng ngày, Vi Văn T và Hà Quốc K đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình và nộp lại 14 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-MT ngày 09/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về điều luật và trách nhiệm hình sự: Áp dụng: Điều 38; điểm i, điểm r và điểm s khoản 1 điều 51 BLHS; khoản 1 điều 173 BLHS cho cả hai bị cáo; điểm b khoản 1 điều 51 BLHS cho bị cáo T.

+ Về tội danh: Tuyên các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo:

Vi Văn T từ 07 đến 08 tháng; **Hà Quốc K** từ 06 đến 07 tháng tù giam

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

+ Về án phí: Xem xét miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về trách nhiệm dân sự: Xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng và khung hình phạt đại diện VKS đề nghị đối với các bị cáo. Cho rằng các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX áp dụng điều 54 BLHS xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử bị cáo một mức án dưới khung hình phạt, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự, án phí dân sự cho các bị cáo.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo một mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Ý kiến người bị hại: Ngoài số tiền 3.400.000 đồng các bị cáo tiêu sài chưa nhận lại được, bị hại còn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh tiền công lao động là 500.000 đồng/2,5 ngày.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản là tiền, tổng trị giá **9.000.000đ (Chín triệu đồng)** đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đều nghiện chất ma túy, các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tiền với mục đích đi mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân, không có mục đích khác. Bị cáo Tuấn là người rủ bị cáo Khánh nên phải chịu hình phạt nặng hơn.

Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo; số lượng tiền các bị cáo trộm cắp. Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, ý kiến của người bào chữa và chứng cứ khác trong hồ sơ đủ cơ sở khẳng định các bị cáo phạm tội **Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1**

Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi trộm cắp của các bị cáo chưa gây hậu quả, nhưng nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý, bất khả xâm phạm tài sản của cá nhân, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nên các bị cáo đã đến cơ quan Công an huyện Mường Lát đầu thú và trả lại một phần số tiền đã trộm cắp cho người bị hại; tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên HĐXX thấy cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, điểm r và điểm **s khoản 1 điều 51** Bộ luật hình sự, bị cáo Tuấn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm **b khoản 1 điều 51** Bộ luật hình sự, như đề nghị của đại diện viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo, cũng là thể hiện sự khoan hồng của luật hình sự Việt Nam.

[4]. Về hình phạt: Với tính chất của vụ án, xét nhân thân bị cáo và hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX thấy nên xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng là làm bài học cho kẻ khác đang có ý đồ phạm tội. Các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, không có tính thực thi, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5]. Xét về vật chứng trong vụ án:

Tổng cộng số tiền Cơ quan CSĐT đã thu giữ là **5.600.000đ** (năm triệu sáu trăm nghìn đồng), là số tiền hợp pháp do người bị hại lao động mà có, số tiền này đã được trả lại cho bị hại Lâu Văn Lênh là đúng theo quy định của pháp luật

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận được tiền số tiền 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) và yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và tiền công lao động trong các ngày đến phục vụ việc điều tra là 500.000 đồng. Xét thấy đề nghị của người bị hại là hoàn toàn đúng với thực tế tại huyện Mường Lát cùng thời điểm **nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại tổng là 3.900.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.950.000 đồng.**

[7]. Những vấn đề khác:

Vi Văn Tuấn đưa cho bà Hà Thị H 1.000.000đ (một triệu đồng) và đưa cho C 3.000.000đ (ba triệu đồng) từ số tiền trộm cắp. Hiện tại bà H và C đã giao nộp tiền cho CQĐT; Quá trình điều tra, xác định bà Hà Thị H và Đinh Công C không biết nguồn gốc số tiền T đưa là tiền trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có".

Theo lời khai của bị cáo và Đinh Công C thì Hơ Thị T là người nghiện ma túy, khi T và C đưa tiền nhờ T đi mua giúp ma túy vào các ngày 02 và 03/11/2019 thì T đã cắt lại một phần ma túy mua được để sử dụng, quá trình T, K, C sử dụng ma túy tại nhà T không có ai đứng ra tổ chức sử dụng. Xác minh tại địa phương, Hơ Thị T hiện nay vắng mặt tại nơi cư trú nên chưa đủ căn cứ xem xét hành vi vi phạm liên quan theo pháp luật.

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông đã bán ma túy cho Đinh Công C vào tối ngày 02/11/2019 tại bản Cật, xã Nhi Sơn, bản thân Chiến không quen, không biết, cũng không biết rõ tên tuổi, địa chỉ người bán ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không đủ căn cứ xác minh.

[8.]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự và dân sự theo điểm d khoản 1 điều 12 **Nghị quyết** số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo; Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Vi Văn T và Hà Quốc K phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 điều 173; **Điều 38**; Điểm s, điểm r và điểm i khoản 1 điều 51 BLHS cho cả hai bị cáo. Điểm b khoản 1 điều 51 BLHS cho bị cáo Vi Văn Tuấn.

Xử phạt: Vi Văn T **08 (Tám)** tháng tù; Hà Quốc K **06 (Sáu)** tháng tù.

Thời gian **chấp hành hình phạt tù** tính từ ngày tạm giữ (04/11/2019).

Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 30 BLTTHS; Điều 48 BLHS; Các điều 13; 584, 586, 587 và 589 của BLDS. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại Lâu Văn L tổng số tiền là 3.900.000 đồng. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.950.000 đồng (*Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357; điều 468 của BLDS.

Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; **Điểm d khoản 1 điều 12** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST và án phí DSST cho cả hai bị cáo.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Án xử công khai, có mặt bị cáo, **người bị hại**, người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 của luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS CA huyện Mường Lát;
- Công an huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát;
- Các bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T